

"Nhà ta vốn là dân hiền lành,
đi đâu cũng chu đáo vì lòng dũng..."
(Trần Nhân Tông)

Trong lịch sử Việt Nam, có những vị vua giỏi giang cán đáng và lãnh đạo nước trong những tình huống khó khăn. Trần Nhân Tông là một trong những vị vua đầu khai tri thức và xây dựng nhà Trần. Trước ông là giai đoạn các thế lực nhà Trần. Ông lãnh đạo nước trong những thời kỳ gay gắt nhất của lịch sử Việt Nam: chiến tranh xâm lược của đế quốc Mông Cổ rơi kinh hoàng khắp nơi ở Á-Âu.

Trong hai cuộc xâm lược của Mông Cổ lần hai và lần ba, ông đã cùng tăng sĩ và nhân dân đi phò và đánh bại giặc. Ông là người mở ra Hội nghị Diên Hồng với ý kiến toàn dân và cùng nhân dân đi kháng chiến. Trần Nhân Tông không những là vị vua chính trị và quân sự mà còn là một đạo sĩ Phật giáo hiện tại, một trong ba vị sáng lập ra trường phái Trúc Lâm duy nhất ở Việt Nam.

1- Con người và sự nghiệp

(a) *Bên cạnh con người*

Thái tử Trần Khâm tức Trần Nhân Tông lên ngôi vua thay thế Thế Tông Hoàng Thánh Tông năm 1279. Ông là một vị vua có công dân và có một tâm hồn Việt cổ. Một tầng trong ông là ý thức về nguỵ, gọi như gọi từ Rừng Tiên, như là ông từ nói với con Trần Anh Tông và Quốc Công Trần Quốc Tuấn: "Nhà ta vốn là dân hiền lành, đi đâu cũng chu đáo vì lòng dũng... thích hình rồng vào đuôi rồng ra không quên rồng." Tức xâm hình rồng phượng trong dân gian Việt Nam từ thời Hùng Vương, đến đời Trần Nhân Tông thì phát triển mạnh mẽ. Từ vua quan đến quân dân đều vẽ xâm hình rồng trên trang phục, sau lưng và hai vế đuôi. Lúc này người ta chuộng những quan niệm xâm hình rồng để khi xuống nước không bị giao long làm hại mà còn như mình như cá như nhau với một người gọi như là vua như người.

Tức này thế lực hành động của người Trung Hoa trong thế kỷ là "thái long" tức rồng vua. Theo sử nhà Nguyên Trần Phò, thì một người dân Đại Việt còn thích chữ "Nghĩa di quyên phò, hình vu báo quốc" (Vì vì nghĩa mà liều thân, vì nước mà báo đền). Điều này cho thấy đối với vua Trần Nhân Tông, quân dân đều một lòng và từ từ quanh một ông vua có căn cứ là người dân.

(b) *Tư cách lãnh đạo*

Nhân Tông là một vị vua anh minh, biết dùng và dùng người hiền tài. Đối ông, nhân tài, anh hùng, tuấn kiệt lũ lượt kéo ra giúp nước, lòng người như một. Bên ông, vị quốc tử có Thái tử Trần Quang Khải, vị binh sự có các danh tướng Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Phạm Ngũ Lão, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật..., vị văn học có các văn thi sĩ uyên bác như Nguyễn Thuyên, Trần Hưng Đạo, Mạc Đĩnh Chi. Riêng Nguyễn Thuyên là người khi đi dùng chức Nôm làm thơ phú, văn hay như Hàn Dũ bên Trung Quốc ngày xưa nên Nhân Tông cho đổi tên là Hàn.

Số hiểu người và dùng người của ông được thể hiện qua một câu chuyện tiêu biểu sau. Trong không khí khốn khổ trong, khi con trai của Hồ Tể Liệt là Thái tử Thoát Hoan đang sôi sục căm hận đi xuống đánh binh mã biên thù địch của sông tràn vào Đại Việt. Vào một ngày cuối năm Nhâm Ngọ (1282), tại bến Bình Than có một cuộc họp lịch sử giữa vua Trần Nhân Tông và các tướng sĩ. Giữa lúc vua Nhân Tông và một người đang bàn bạc sôi nổi, vua chợt nhìn ra ngoài sông và thoáng thấy một chiếc thuyền lớn chèo thuyền theo dòng nước xuôi. Nhắc thợ trên thuyền có một người đi nón lá, mặc áo ngắn, người trông như người quen, vua bèn gọi và hỏi quan thiếp:

- Ngươi kia có phải là Nhân Huệ Vong không?

Rồi lập tức sai quân chèo thuyền nhô đầu đi theo. Nghe lát sau chèo thuyền quân trở về không, đầu vua là ông lái ngang bồng ngậy không chịu đi mà chờ trở lại rồi:

- Lão già này là ngươi bán than, có việc gì mà vua gọi đi!

Nghe thuyền, các quan vội đứng ngạc nhiên và lo cho ngươi bán than, cái khi quân mua thuyền này dù xem như cũng phải dăm chục thuyền là ít. Nghe Nhân Tông về thì cười mà rồi:

- Thế thì đúng là Nhân Huệ Vong rồi, ngươi thuyền không dám trở lại ta như thế!

Rồi sai người đi gọi: Ông này "lão ta" chờ ở đây. Vua quan nhìn ra thì đích thuyền không sai. Ngươi lái thuyền bán than đó chính là Nhân Huệ Vong Trần Khánh Dư. Đem chiếu nón lá và quần áo nâu mặc quần áo rách, quần xỏ chân đi dép, trông ông ta thật phong trần. Nghe lời thay, cuộc sống lam lũ về không làm mất đi cái vẻ tinh anh quắc thước và đáng để hiên ngang. Ngươi thuyền vũ dũng của cuộc kháng chiến chống Mông Cổ năm xưa, vì nóng tính và trót phạm lỗi với triều đình nên bị cách chức và tịch thu gia sản. Chuyện đi hôn nay của ông tình cờ hóa hay.

- Thế nào, liệu khanh còn đủ sức đánh giặc hay không? – Nhân Tông hỏi.

Nghe thuyền hai chữ "đánh giặc", mặt Trần Khánh Dư vui sáng:

- Dư, thuyền còn đủ sức. Mười năm nay vùng riu đến giờ, cánh tay thuyền xern ra còn rắn rỏi hơn xưa. Nhân Tông cười vui và ngợi khen:

- Quê là gan Trần Khánh Dư còn bền hơn sắt đá. Đem rồi còn phải xem khanh lập công chuộc tội ra sao?

Đem xuồng chèo thả thuyền cho Trần Khánh Dư, ban mũ áo, phong làm phó thuyền quân rồi cho ngươi ghé cửa hàng vớt gỗ bàn việc nước. Thế là triều đình lại có thêm một người tài giỏi để ra phò vua giúp nước.

Sau dùng ngươi của Nhân Tông như thế xong đáng phong cách của một người lãnh đạo: hiểu và dùng người đúng chỗ.

(c) Cách của ngươi

Trần Nhân Tông là một vị vua khí khái và nhân đức. Đem đi đến với bao phong ba bão táp, ông lãnh đạo thuyền sĩ và nhân dân chống đỡ những cơn hiểm nguy. Nghe không lúc nào là ông không để ý đến tình trạng của quân dân.

Khi quân Mông Cổ với khí thế hung tàn tràn vào Đem Việt, Hoàng Đế Vong Trần Quốc Tuấn vì kém thuyền thua chạy rút về Vạn Kiếp. Nhân Tông nghe Hoàng Đế Vong thua, liền nghĩ một cách thuyền như xuồng Hời Đem rồi cho với Hoàng Đế Vong đến bàn việc, nhân thuyền quân mình thua, trong thuyền không yên, mới biết Hoàng Đế Vong rồi:

- Thế giờ có to như vậy, mà thuyền nó thì dân số tàn hại, hay là trộm hãy chèo hàng đi để cứu muôn dân?

Hoàng Đế Vong cười rồi:

- Bể hồ nói câu này thì thật là nhân đức, nghe mà tôn miếu xã tắc thì sao? Nếu bể hồ muôn hàng, xin thuyền hãy chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng.

Nhân Tông nghe liền nói trung liết như vậy, trong thuyền mới yên.

Cũng vậy, đem với quân thù, trong thuyền chỉ thuyền lại có của quân ta Tây Kỵ (Khoái Châu, Hời Hời), thuyền gọi là Toa Đô bắt trúng tên chết và Ô Mã Nhi phải chui xuồng thuyền vớt bị chết và Trung Quốc. Khi các thuyền thuyền trở về đưa đầu Toa Đô và nôp, Nhân Tông thuyền người dũng kiện mà lại hết lòng với chúa, nên xúc động mà than rồi: "Làm bể tôi nên như ngươi này" rồi cởi áo ngực bào đắp vào đầu Toa Đô, sai quân dùng vải mai táng cho thuyền. Khi bóng quân Mông Cổ không còn trên đất Nam, triều đình bắt đem một tráp của các bị u

hàng của một số quan. Số là khi quân giặc đang cướp phá thành, triều đình ở kinh thành hai lòng, có giặc y má đi vào và chúng. Đình thần muốn lập ra một trại trú, nhưng Nhân Tông và Thánh Tông Thận trọng Hoàng nghĩ xa đến sự hoà giải dân tộc nên sai đem một trại trú đi cho yên lòng mọi người và cùng nhau xây dựng lại cơ đồ. Duy chỉ những người thuộc hàng và hợp tác với giặc mới bị trừ đi.

(d) Trần nhân

Trách nhiệm gì nhân đã xong, Nhân Tông còn phải giao với giặc và xây dựng lại đất nước và người.

Với nhà Nguyên, Mông Cổ, vua không kiêu căng khi thắng, mà hoà khí, khiêm nhường nhường nhân chính. Số tàn phá của quân Mông Cổ thật nặng nề đến nỗi, lúc chiến thắng trở về Thăng Long, vua không còn cung điện nữa mà phải tạm trú ở Lăng thờ vua. Trong thời buổi gian khổ, Nhân Tông đã phải viết: "đất phá hết chùa miếu trong nước, khai quật phần mộ tiên, cướp bóc dân gian, phá phách sự nghiệp trăm họ, mọi tàn ác không víc nào trừ ...".

Họu quân của chiến tranh tàn khốc như vậy cho nên phải có chính sách an dân và yên lòng dân. Sau cuộc chiến,

Nhân Tông xuống chiếu để xá cho thiên hạ. Mọi người nào bị bắt phải phá thì tha tội ruộng và nộp đất cho toàn phần, các chức khác thì xét miễn giảm theo thói quen khác nhau. Chính sách khéo léo và có tầm nhìn xa này, thể hiện một tinh thần khoan dung dân và một đất nước có thể đứng vững xây dựng lâu dài, đã được khắc ghi trong quyển "Long thành đất sử" như sau:

Sau chiến tranh, thành Thăng Long nhiều đổ nát san bằng, vua Nhân Tông đem họ cho gặt rút xây lại thành trì. Họng Đạo và những Trần Quốc Tuấn can rằng: "Việc sửa lại thành trì không cần gấp lắm. Việc cần gấp của triều đình phải làm ngay không thể chậm trễ được là việc yên lòng nhân dân. Hơn 4 năm, quân giặc hai lần tràn sang cướp掠, rồi núi ruộng đến nỗi ruộng ruộng, đất bị tàn phá hết ruộng. Vậy mà nhân dân vẫn một lòng hướng về triều đình, xuất tài, xuất lực, đi lính và đóng thuế, lần nên một lực lượng mạnh mẽ cho triều đình chống nhau với giặc. Nay nhà vua được trở về yên ổn. Việc làm trước hết là chú ý ngay đến dân, những người nào bị tàn phá, tu sửa tình trạng ruộng ruộng mà cứu trợ; người nào bị tàn phá quá nặng, có thể miễn tô thuế mấy năm. Có như thế dân mới một lòng càng quy hướng về triều đình hơn nữa. Người xưa đã nói: "chúng chí thành thành" nghĩa là ý chí của dân là một bậc thành kiên cố. Đó mới là cái thành của sự an lạc ngay, xin nhà vua xem lý."

Vua Nhân Tông vui vẻ nghe theo lời khuyên của Trần Quốc Tuấn. Đây cũng là một bài học quan trọng mà gần đây chúng ta đã không nhận mà nguy hiểm nữa là đã làm ngược lại.

Cũng vậy để cho bộ máy hành chính, và thúc đẩy nền kinh tế giúp dân giàu mạnh. Trần Nhân Tông quy định định hình thể thức, các quan lại và quan liêu trong nước. Trách nhiệm một bộ máy quá lớn và quá nặng nề thì Thận trọng thận trọng, Môn hạ thận trọng, Mọi một việc, đến các quan, các lực lượng, các chức (Nội thị hoạn quan, Chi hầu cận...), các đài (Ngõ sở đài), các viên (Khu một viên, Hàn lâm viên, Thập hình viên, Quốc sử viên, Thái y viên,...), các ty .. khi Trần Nhân Tông phải thăng lên:

" Sao một nước bé bằng bàn tay mà phong nghiêu quan thế ! "

Là một lớn nữa, và một này cũng là một mà hiện nay chúng ta đang trở lại điểm

(e) Trung hiếu và gia huấn

Trần Nhân Tông coi việc trung hiếu là quan trọng hàng đầu. Đối với thế hệ hoàng và các bậc trên ông đưa ra một lòng đáp nghĩa. Ông thận trọng long trọng hàng năm trước các lăng tẩm bậc. Bài thơ của ông làm lúc về bãi yết lăng ông nội Trần Thái Tông vẫn còn để lại trong sách.

Trên một thiên môn túc

Y quan thốt phẩm thông ..

(Qua nghìn cửa chào nghiêm túc,

Đạo áo mũ các quan cửa bày chầu c...)

Khi ông là Thái thượng hoàng, đời vua con ông là Trần Anh Tông, ông được do nhà vua khuyên bỏ nhà vua đi nhân đức và phép trị dân. Sách chép rằng, Anh Tông là người có hiếu nhà vua thờ vua cha và luôn đi chơi đêm khắp kinh thành, đến gà gáy mới về. Vì thế có lúc Nhân Tông phải có thái độ cứng rắn.

Tháng năm năm Kỷ Hợi (1299), vua Anh Tông uống rượu uống say quá. Thái thượng hoàng Nhân Tông tập họp Thiên Trường (Nam Định), mời các Thái thượng hoàng thượng hoàng, kinh sư, quan trọng triều không ai biết cả. Nhân Tông thông thả xem khắp các cung điện, tỏ sáng đến trưa. Người trong cung dâng cơm, Nhân Tông ngoảnh trông, không thấy vua, người nhiên hỏi là đâu?

Cung nhân vào đánh thức nhà vua say quá không tỉnh. Ông giận lắm, tập họp Thiên Trường ngay, xuống chiếu cho các quan ngày mai đến họp họp Thiên Trường. Đến chiếu, vua Anh Tông mới tỉnh, biết Thái thượng hoàng và kinh sư, hãi quá, vội vàng chạy ra ngoài cung gặp mặt người hầu trò tên Đoàn Nhữ Hài, mượn tên báo bài báo lên trước, rồi cùng với Nhữ Hài xuống thuyền đi suốt đêm đến họp Thiên Trường. Nhân Tông xem báo rồi quát mắng một lúc, và tha lỗi cho Anh Tông. Từ đó vua Anh Tông không uống rượu nữa.

2- Xuất thế và thế văn

Sau khi quân xâm lăng Nguyên Mông Chưa không còn dám có tham vọng chiếm Đới Việt, năm năm sau (1293) Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Thăng Long rồi rút về Thiên Trường đi ngao du và bắt đầu xuất thế. Trước lúc đó, ông đã là một nhà đạo sĩ và thi văn nổi tiếng đời Trần. Đời cửa ông lúc này chuyển qua một giai đoạn khác, việc niệm và gia đình đã xong giờ đến việc mình và đời sống tinh thần cửa bản thân.

Ông cùng các đệ tử cửa mình lên núi Yên Tử (Quảng Ninh) xây dựng các chùa. Một trong những chùa nổi tiếng nhất là chùa Hoa Yên. Ông là vị "tổ" đã có công lớn trong việc xây dựng nên phái Phật giáo vùng Yên Tử Sơn này. Trần Nhân Tông, cùng sư Pháp Hoa và sư Huyền Quang là tam tổ cửa thiền phái Trúc Lâm và thiền tông được gọi là phái Trúc Lâm Tam Tổ vì chỉ riêng ở Việt Nam mới có.

Số nhập thế của Trần Nhân Tông không phải là một tiêu cực yếm thế. Thiền Trúc Lâm mang một hình thái nhà có nhà không, nhà thế có nhà hèn và có một tinh thần biến chuyển tích cực. Một thiền Phật giáo nhập thế mà tất cả mọi người dân đều có thể áp dụng theo đuổi mọi nơi, mọi lúc trong đời sống không phải chỉ cửa chùa. Bất luận người thi thiền Vô Ngôn thông, quan điểm cửa bản cửa thiền Trúc lâm là "tức tâm tức Phật", Phật tại tâm, ở trong ta, khi đến ngộ thì ta là Phật và Phật là ta. Tại Yên Tử Sơn, lâu lâu Nhân Tông đi ngao du các nơi, thăm thiền gia thanh bình cửa quê hương mình. Lúc qua Thiên Trường vào một buổi chiều, trong cảnh tranh tị tranh sáng cửa đường quê Việt Nam, đến con một Thiền cửa mình, ông đã xúc cảm làm một bài thơ tựa đề "Thiên Trường văn vọng"

Thôn hươu thôn tằm đến mồi yên

Bán vô bán hươu chầu dẫu ng biên

Một đường đời lý quy người uẩn

Bách lộ song song phi hèn đến

... (Xóm trước thôn sau tằm a khói làng)

Bóng chiều dẫu ng có lộ dẫu ng không

Một đường sáo vọng trâu về hèn

Cò trên ng đôi hèn xuống đường)

Những buổi chiều cửa đường quê Việt Nam đẹp đến và yên tĩnh như kia là một hiếm thế, đã có từ

nghìn năm nay trong đời sống nhân dân, và đã tác động mạnh mẽ vào mặt tâm hồn Việt cổ i rợ của đạo sĩ Trần Nhân Tông.

Danh tiếng của đạo sĩ Trần Nhân Tông vang lừng khắp Đới Việt từ tận đất Chiêm Thành. Trong cuộc thăm viếng lịch sử của ông có cả một Thế hệ hoàng đế Đới Việt, cả Chiêm Thành từ vua quan đến nhân dân một lòng tôn kính một niềm sùng bái xa ghé vào. Nhân Tông cũng xúc động và hể hỷ khi nhìn thấy một nền văn minh khác. Đời với ông, con người đâu đâu cũng vậy. Biên giới chỉ là một hàng rào giới tuyến để ra khỏi sự không thông hiểu giữa con người. Ông đã nhìn xa và muốn thoát khỏi tình thân hữu anh em của hai dân tộc Việt-Chiêm. Ông đã nghe với vua Trần Anh Tông kết hợp con gái là công chúa Huyền Trân (tức con ông) với vua Chiêm Thành. Cả Chiêm Thành, từ sự kính trọng đời với một đạo sĩ hiền tài này, đã hoan hô chào đón. Vua Chiêm là Chư Mân (Jaya Sinhavarman III mà trước đây là thái tử Harijit đã cùng ông minh Đới Việt chinh quân Nguyên để biến Chiêm Thành) đã tặng Đới Việt hai châu Ô và châu Rí trong cuộc hôn nhân lịch sử này. Nhờ ngai thay sau khi Chư Mân và Trần Nhân Tông mất, chiến tranh lại tái diễn giữa hai dân tộc.

Năm 1308, Thế hệ hoàng đế Trần Nhân Tông băng hà ở am Ngoa Vân, núi Yên Tử. Su Pháp Hoa thiêu xác ông, nhốt hốt cả và hơn ba ngàn hốt xá lợi đổ vào hộp, mang về chùa Từ Phúc ở kinh sư.

Mùa thu năm 1310, linh chủ của hốt cả Thế hệ hoàng đế ở chùa ở làng Quý Đức, Phụng Long Hoàng (Thái Bình). Khi nghe tin này, cả nước đổ xô đến linh chủ người Việt hiền tài này nhìn cuộc cùng. Trước hết, từ quần Nhân Tông đến Diên Hiên, khi sắp phát dẫn, đã đến giới rồi mà quan liêu dân chúng đến xem để kịp cung tiễn, ngay cả từ thế hệ con roi xua đuổi mà cũng không thể giới ra được. Vua cho gọi Trần Hưng Đạo đến báo rằng: "Linh chủ sắp phát dẫn mà dân chúng đến nghênh đón thì làm thế nào?". Hưng Đạo là người có tiếng là hiểu tài năng trí xảo nhất Thăng Long và cũng rất giỏi về âm nhạc. Hưng Đạo lập tức đến thăm Thiên Trì gọi quan Hộ bộ và quan Hộ bộ do Hưng Đạo trông coi đến người là lý trưởng thôn, sai hát một câu hát Long Ngâm. Mọi người đến nghe, kéo nhau đến xem, cung tiễn mọi giới người, linh chủ ở rước đi được. Long Ngâm khúc là một bài hát vắn, ngắn gọn, nghe rất cảm động ... Suốt một ngày này từ Thăng Long đến Thái Bình, Long Ngâm khúc của cả nước theo linh chủ của ngài đến nơi an nghỉ cuộc cùng.

Một ngôi sao sáng đã vụt tắt trên bầu trời nước Đới Việt. Một đời thế xác ông không còn và đã tan thành tro bụi như ông muốn, nhưng hồn ông vẫn còn trong lòng dân tộc Việt.

❖ Lời kết:

Trong lịch sử trên thế giới rất hiếm người tài cả là vua trị vì cả là một hiền triết. Văn minh La Mã có Marcus Aurelius, hoàng đế triết gia, cả mình trị an cho nhân dân, để lại một người và để lại tác phẩm triết học nổi tiếng "Meditations" thì thế hệ hoàng đế Đông Hán hai thế kỷ sau có Trần Nhân Tông, cũng một minh quân, sáng lập thế hệ phái thiền Trúc Lâm Việt Nam với tác phẩm thiền "Khóa Hư Lục"(1) không kém sâu sa.

Thiền Trúc Lâm Yên tử tuy không còn, nhưng đạo âm vẫn còn và nghe: cuộc thế kỷ 18, Ngô Thì Nhậm mong tái lập lại dòng thiền này với tác phẩm "Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh", gần đây chùa Trúc Lâm ở Đà Lạt là một cơ sở mong muốn khôi phục dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Hoàng thành cả Thăng Long nay đã được khám phá, một ngày nào đó tôi hy vọng là đến Diên Hiên sự được hồi phục và đến được nơi vua làm việc, để yên và nơi linh chủ Nhân Tông từ quần của xưa xa xưa, để hình dung cảnh quan và thế hệ thế hệ từ thời vàng son của thiền Việt Nam với minh quân Trần Nhân Tông. Núi Yên Tử giờ đã có cáp treo, nhưng đi hành hương để ông đức bệ vẫn là một nét đẹp theo dấu chân của Thế hệ hoàng đế Nhân Tông.

(1) Theo Thiền sư Chư và một số nhà nghiên cứu cho là Trần Nhân Tông là tác giả "Khóa hư lục"

chúng không phải là Trần Thái Tông

Tham khảo

- (1) Địch Việ t S Ký toàn th, Quy n 5 và 6, K Nhà Tr n, Vi n Khoa H c Xã H i Vi t Nam, 1993
- (2) Khuy t danh, Thi n uy n t p anh, Nhà xu t b n Văn h c, Hà N i, 1990
- (3) Nguyễn Lang, Vi t Nam Ph t giáo s lu n, <http://www.quangduc.com/lichsu/17vnpgsuluan.html>

Nh ng bài cùng tác gi

Trần Nhân Tông (1247-1308)